



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO
DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/02/2023.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/12/2006 với mã chứng khoán là EBS.

Vốn điều lệ: 102.194.840.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2024: 102.194.840.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 26%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0243.7925308
Fax: (84) 0243.7925309
- Website: [www.sachgiaoduchanoi.vn](#)

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 36 người (tại ngày 01/01/2024 là 39 người).

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24/04/2024
• Ông Ngô Anh Phương	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24/04/2024
• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24/04/2024
• Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24/04/2024
• Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24/04/2024
• Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24/04/2024
• Bà Bùi Thị Thu Lan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2024
• Ông Tô Thanh Bình	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 Miễn nhiệm ngày 24/04/2024

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24/04/2024
• Ông Trần Văn Qué	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24/04/2024
• Bà Nguyễn Thị Mai	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24/04/2024

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 03/09/2024
• Ông Ngô Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 03/09/2024
• Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 03/09/2024

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính


Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 391/2025/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 24/03/2025 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.219.190.833	110.073.596.828
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	18.646.479.559	14.891.103.008
1. Tiền	111		2.646.479.559	11.391.103.008
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	3.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.103.201.010	5.340.890.757
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	15.170.615.550	5.358.920.050
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(67.414.540)	(18.029.293)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.261.793.947	73.517.605.645
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	17.594.939.271	24.045.946.817
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30.750.000	571.532.500
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	52.000.000.000	57.100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	684.693.316	596.027.945
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(8.048.588.640)	(8.795.901.617)
IV. Hàng tồn kho	140	11	14.054.682.403	16.191.143.599
1. Hàng tồn kho	141		16.020.598.187	17.528.789.723
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.965.915.784)	(1.337.646.124)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		153.033.914	132.853.819
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	126.601.420	122.914.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.432.494	9.939.819
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.205.367.835	29.490.580.971
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		62.900.000	62.900.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	62.900.000	62.900.000
II. Tài sản cố định	220		489.628.166	669.451.094
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	489.628.166	669.451.094
- Nguyên giá	222		6.427.256.900	6.427.256.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.937.628.734)	(5.757.805.806)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		63.000.000	63.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.000.000)	(63.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		18.645.000.000	18.645.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	6.b	13.495.000.000	13.495.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.b	2.400.000.000	2.400.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	2.750.000.000	2.750.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.007.839.669	10.113.229.877
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	10.007.839.669	10.113.229.877
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		139.424.558.668	139.564.177.799

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.180.797.463	13.338.021.159
I. Nợ ngắn hạn	310		13.134.797.463	13.292.021.159
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	7.117.488.725	7.477.602.780
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	1.229.160.319	4.411.596
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	327.852.725	933.670.572
4. Phải trả người lao động	314		3.000.135.108	3.000.659.973
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	938.009.894	1.379.751.569
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	253.206.667	143.672.610
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		268.944.025	352.252.059
II. Nợ dài hạn	330		46.000.000	46.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	46.000.000	46.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		126.243.761.205	126.226.156.640
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	126.243.761.205	126.226.156.640
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	669.277.482	669.277.482
3. Cổ phiếu quỹ	415	20	(2.116.606.556)	(2.116.606.556)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	14.199.483.599	14.132.164.715
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	11.296.766.680	11.346.480.999
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	3.172.057.149	3.172.057.149
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	8.124.709.531	8.174.423.850
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		139.424.558.668	139.564.177.799



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Vũ Nguyễn Lan Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024


Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	62.454.494.910	69.871.371.923
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	134.444.520
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		62.454.494.910	69.736.927.403
4. Giá vốn hàng bán	11	22	41.611.045.704	48.912.357.592
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		20.843.449.206	20.824.569.811
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	7.806.408.969	7.898.193.071
7. Chi phí tài chính	22	24	59.084.744	(328.863.582)
Trong đó: Chi phí lãi vay		23	7.627.493	-
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	13.521.576.158	13.033.372.329
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	5.552.443.462	6.111.932.392
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.516.753.811	9.906.321.743
11. Thu nhập khác	31		4.552.975	6.634.936
12. Chi phí khác	32		2.372	19.428.802
13. Lợi nhuận khác	40		4.550.603	(12.793.866)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.521.304.414	9.893.527.877
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.396.594.883	1.719.104.027
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8.124.709.531	8.174.423.850


Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Tùng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Vũ Nguyễn Lan Phương

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.521.304.414	9.893.527.877
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	13,14	179.822.928	198.845.782
- Các khoản dự phòng	03		(69.658.070)	281.733.406
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23	(7.806.408.969)	(7.163.919.464)
- Chi phí lãi vay	06	24	7.627.493	-
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		1.832.687.796	3.210.187.601
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.848.499.123	12.007.717.054
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.508.191.536	(542.335.315)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		545.575.474	(9.363.173.968)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		101.702.788	(263.303.923)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(9.811.695.500)	(3.689.619.850)
- Tiền lãi vay đã trả	14	24	(7.627.493)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(2.016.186.419)	(1.932.756.235)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		26.000.000	61.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(243.945.800)	(91.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.216.798.495)	(604.134.636)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(680.906.363)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		7.100.000.000	9.600.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,23	7.844.541.846	7.180.948.604
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.944.541.846	10.100.224.059
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19,20	(7.972.366.800)	(8.470.645.883)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.972.366.800)	(8.470.645.883)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.755.376.551	1.025.443.540
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	14.891.103.008	13.865.659.468
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		18.646.479.559	14.891.103.008



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Vũ Nguyễn Lan Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/02/2023.

1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 3 công ty con và 2 công ty liên kết đầu tư trực tiếp và gián tiếp, như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con				
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất điện	67,48%	67,48%
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Khánh An (i)	Áp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất điện	70,00%	47,23%
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam (i)	Áp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất điện	70,00%	47,23%
Các Công ty liên kết				
Công ty CP Phát hành Sách Giáo Dục	Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất bản và phát hành sách	21,82%	21,82%
Công ty CP Đại Dương Solar (ii)	Áp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất điện	49,95%	33,70%

(i) Là các công ty con mà Công ty kiểm soát gián tiếp thông qua quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Năng Lượng EBS Solar Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(ii) Là công ty liên kết mà Công ty có thể ảnh hưởng đáng kể một cách gián tiếp thông qua quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Năng Lượng EBS Solar Việt Nam

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các công ty con. Theo đó, năm 2024 Công ty lập đồng thời Báo cáo tài chính của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo cần đọc Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3 (Đã hết khấu hao)

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:

- Tiền thuê văn phòng đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê và các chi phí liên quan được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê văn phòng.
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí bản thảo phân bổ dài hạn trong khoảng thời gian có hiệu lực của hợp đồng căn cứ vào số lượng thực tế in và tỷ lệ thầu quy định.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ phản ánh khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng niên độ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận năm trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 5% đối với các bộ đồ dùng học tập; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

*Đơn vị tính: VND***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	330.649.858	162.937.367
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.315.829.701	11.228.165.641
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	16.000.000.000	3.500.000.000
Cộng	18.646.479.559	14.891.103.008

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI TP HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

STT	31/12/2024				01/01/2024			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết (i)								
1	500.000	13.463.665.250	14.080.000.060	51.969.690	90.000	3.651.969.750	3.888.000.000	-
2	90.000	3.651.969.750	3.600.000.060	51.969.690	90.000	3.651.969.750	3.888.000.000	-
3	140.000	3.051.570.500	3.514.000.000	-	-	-	-	-
	270.000	6.760.125.000	6.966.000.000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết (ii)								
1	101.550	1.706.950.300	2.351.412.600	15.444.850	101.550	1.706.950.300	1.698.776.580	18.029.293
2	1.550	42.557.450	27.112.600	15.444.850	1.550	42.557.450	24.528.157	18.029.293
3	100.000	1.664.392.850	2.324.300.000	-	100.000	1.664.392.850	1.674.248.423	-
Cộng								
	601.550	15.170.615.550	16.431.412.660	67.414.540	191.550	5.358.920.050	5.586.776.580	18.029.293

(i) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, đối với các chứng khoán hiện niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Chứng khoán của Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP và Công ty CP Than Cao Sơn – TKV hiện đang giao dịch trên sàn Upcom. Theo đó, giá trị hợp lý của chứng khoán được xác định theo giá tham chiếu bình quân thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI TP HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến

P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	31/12/2024		01/01/2024	
			Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con						
- Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	67,48%	1.349.500	13.495.000.000	-	13.495.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết						
- Công ty CP Phát hành Sách Giáo Dục	21,82%	240.000	2.400.000.000	-	2.400.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Công ty CP DV XB Giáo dục Hà Nội	3,00%	75.000	750.000.000	-	750.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	1,84%	200.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Cộng			18.645.000.000	-	18.645.000.000	-

Báo cáo tài chính gần nhất của các Công ty này có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	828.594.177	9.555.993.937
Công ty CP Sách & TBTH Nghệ An	1.864.744.730	1.742.157.670
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	5.781.715.769	6.281.130.120
Các đối tượng khác	9.119.884.595	6.466.665.090
Cộng	<u>17.594.939.271</u>	<u>24.045.946.817</u>

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam (*)	52.000.000.000	57.100.000.000
Cộng	<u>52.000.000.000</u>	<u>57.100.000.000</u>

(*) Cho Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam vay theo các Hợp đồng cho vay có kỳ hạn 12 tháng. Thời điểm giải ngân lần đầu từ năm 2020. Đối với các Hợp đồng cho vay đến hạn, Công ty đã gia hạn cho vay theo Phụ lục hợp đồng vay vốn số 05-EBS-ESE/2024/PLHĐVV ngày 03/01/2024. Lãi suất cho vay hiện tại là 9%/năm.

9. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	400.993.151	-	439.126.028	-
Tạm ứng	283.700.165	-	156.901.917	-
Cộng	<u>684.693.316</u>	<u>-</u>	<u>596.027.945</u>	<u>-</u>

b. Dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	62.900.000	-	62.900.000	-
Cộng	<u>62.900.000</u>	<u>-</u>	<u>62.900.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2024	Năm 2023
Số dư dự phòng phải thu đầu năm	8.795.901.617	8.080.853.065
Dự phòng trích trong năm	-	715.048.552
Hoàn nhập trong năm	(747.312.977)	-
Số dư dự phòng phải thu cuối năm	8.048.588.640	8.795.901.617

Trong đó: Nợ xấu

	31/12/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng	8.366.820.701	318.232.061	
- DNTN Sách và VPP cuộc sống mới	751.214.823	-	Trên 3 năm
- Vụ Mầm non	125.697.600	-	Trên 3 năm
- Công ty TNHH Dịch Vụ Sách Nam An	5.781.715.769	-	Trên 3 năm
- Công ty CP Sách & TBTH Hà Giang	431.299.250	-	Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	1.276.893.259	318.232.061	Trên 1 năm
Cộng	8.366.820.701	318.232.061	

11. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	51.372.347	-	76.431.768	-
Chi phí SX, KD dở dang	4.072.898.595	-	4.120.465.649	-
Thành phẩm	10.113.637.434	1.676.265.620	11.786.340.491	1.157.664.525
Hàng hóa	1.782.689.811	289.650.164	1.545.551.815	179.981.599
Cộng	16.020.598.187	1.965.915.784	17.528.789.723	1.337.646.124

Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 31/12/2024.

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2024 là 5.220.859.983 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí thuê kho Đại La	126.601.420	122.914.000
Cộng	126.601.420	122.914.000

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Thuê dài hạn VP lô số D-2.1 dự án khu VP và nhà ở cao cấp Vinaconex (*)	8.325.580.063	8.577.234.871
Chi phí tổ chức bán thảo	1.045.169.246	898.904.646
Các khoản khác	637.090.360	637.090.360
Cộng	10.007.839.669	10.113.229.877

(*) Thuê dài hạn văn phòng theo Hợp đồng số 000997/2014/HĐTVP/VC1 ngày 17/09/2014 giữa Công ty và Công ty CP Xây dựng số 1 (Vinaconex 1); Thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15/10/2014; Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê với tổng số tiền đã thanh toán là 11.962.650.000 đồng (bao gồm 10% GTGT) vào năm 2014.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	187.869.455	3.953.926.172	2.285.461.273	6.427.256.900
Mua sắm trong năm	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	187.869.455	3.953.926.172	2.285.461.273	6.427.256.900
Khấu hao				
Số đầu năm	187.869.455	3.351.966.796	2.217.969.555	5.757.805.806
Khấu hao trong năm	-	154.987.464	24.835.464	179.822.928
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	187.869.455	3.506.954.260	2.242.805.019	5.937.628.734
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	601.959.376	67.491.718	669.451.094
Số cuối năm	-	446.971.912	42.656.254	489.628.166

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 5.584.532.355 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Không có TSCĐ hữu hình nào hiện đang cầm cố để đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2024.

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	63.000.000	63.000.000
Mua trong năm	-	-
Số cuối năm	63.000.000	63.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	63.000.000	63.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số cuối năm	63.000.000	63.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 63.000.000 đồng.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.797.867.788	1.588.150.197
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	-	1.299.974.715
Các đối tượng khác	4.319.620.937	4.589.477.868
Cộng	7.117.488.725	7.477.602.780

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.225.468.437	-
Các đối tượng khác	3.691.882	4.411.596
Cộng	1.229.160.319	4.411.596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	884.641.335	1.396.594.883	2.016.186.419	-	265.049.799
Thuế thu nhập cá nhân	-	49.029.237	766.330.869	752.557.180	-	62.802.926
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	-	933.670.572	2.166.925.752	2.772.743.599	-	327.852.725

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Trích trước hoa hồng môi giới	938.009.894	1.379.751.569
Cộng	938.009.894	1.379.751.569

19. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	-	117.566.343
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	227.000.000	-
Cổ tức phải trả	25.195.107	25.094.707
Phải trả khác	1.011.560	1.011.560
Cộng	253.206.667	143.672.610

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền ký cược của các Nhà sách	46.000.000	46.000.000
Cộng	46.000.000	46.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2023	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.077.139.891	11.807.878.021
Tăng trong năm	-	-	-	55.024.824	8.174.423.850
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.635.820.872
Số dư tại 31/12/2023	<u>102.194.840.000</u>	<u>669.277.482</u>	<u>(2.116.606.556)</u>	<u>14.132.164.715</u>	<u>11.346.480.999</u>
Số dư tại 01/01/2024	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.132.164.715	11.346.480.999
Tăng trong năm	-	-	-	67.318.884	8.124.709.531
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.174.423.850
Số dư tại 31/12/2024	<u>102.194.840.000</u>	<u>669.277.482</u>	<u>(2.116.606.556)</u>	<u>14.199.483.599</u>	<u>11.296.766.680</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	25.911.000.000	25.911.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	73.744.840.000	73.744.840.000
Cổ phiếu quỹ	2.539.000.000	2.539.000.000
Cộng	<u>102.194.840.000</u>	<u>102.194.840.000</u>

c. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu phổ thông	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	253.900	253.900
- Cổ phiếu phổ thông	253.900	253.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu phổ thông	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	11.346.480.999	11.807.878.021
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	8.124.709.531	8.174.423.850
Phân phối lợi nhuận	8.174.423.850	8.635.820.872
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	8.174.423.850	8.635.820.872
- Trả cổ tức cho các cổ đông	7.972.467.200	8.470.746.400
- Quỹ đầu tư phát triển	67.318.884	55.024.824
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng BĐH	134.637.766	110.049.648
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	11.296.766.680	11.346.480.999

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/SGDHN ngày 24/04/2024.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông ngày 24/04/2024 đã thông qua tỷ lệ cổ tức năm 2023 là 8%. Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2024.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu sách tham khảo	62.454.494.910	69.831.040.940
Doanh thu bán vật tư, khác	-	40.330.983
Cộng	62.454.494.910	69.871.371.923

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn sách tham khảo	40.982.776.044	48.972.452.527
Giá vốn vật tư, khác	-	40.079.019
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	628.269.660	(100.173.954)
Cộng	41.611.045.704	48.912.357.592

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.072.478.969	5.478.387.646
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.733.930.000	1.685.350.000
Lãi do mua bán chứng khoán	-	734.455.425
Cộng	7.806.408.969	7.898.193.071

24. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	7.627.493	-
Chi phí tài chính khác	2.072.004	4.277.610
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	49.385.247	(333.141.192)
Cộng	59.084.744	(328.863.582)

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên bán hàng	5.837.146.649	4.943.000.090
Chi phí hoa hồng môi giới	1.167.734.695	1.297.218.912
Chi phí vận chuyển sách, bốc xếp	552.416.800	561.987.708
Chi phí thuê kho	766.424.874	751.763.747
Chi phí khác	5.197.853.140	5.479.401.872
Cộng	13.521.576.158	13.033.372.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên quản lý	3.748.062.822	2.820.531.005
Khấu hao TSCĐ	24.835.464	41.160.120
Chi phí thuê kho	339.660.982	322.348.586
Chi phí khác	2.187.197.171	2.212.844.129
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(747.312.977)	715.048.552
Cộng	5.552.443.462	6.111.932.392

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.521.304.414	9.893.527.877
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(2.538.330.000)	(1.470.321.198)
- Điều chỉnh tăng	195.600.000	215.028.802
+ Chi phí không được trừ theo Luật thuế	195.600.000	195.600.000
+ Tiền phạt thuế, tiền phạt vi phạm hành chính	-	19.428.802
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	2.733.930.000	1.685.350.000
Tổng thu nhập chịu thuế	6.982.974.414	8.423.206.679
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.396.594.883	1.719.104.027
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.396.594.883	1.684.641.335
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	34.462.692

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.700.508.396	11.700.273.501
Chi phí nhân công	9.585.209.471	7.763.531.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	179.822.928	198.845.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.683.913.400	31.914.239.676
Chi phí khác bằng tiền	4.407.653.451	4.441.860.698
Cộng	45.557.107.646	56.018.750.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, ít phát sinh các khoản vay; hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Ngoài ra Công ty còn bán lẻ thu tiền ngay cho các khách lẻ thông qua cửa hàng. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	7.117.488.725	-	7.117.488.725
Chi phí phải trả	938.009.894	-	938.009.894
Phải trả khác	253.206.667	46.000.000	299.206.667
Cộng	8.308.705.286	46.000.000	8.354.705.286

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	7.477.602.780	-	7.477.602.780
Chi phí phải trả	1.379.751.569	-	1.379.751.569
Phải trả khác	26.106.267	46.000.000	72.106.267
Cộng	8.883.460.616	46.000.000	8.929.460.616

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.646.479.559	-	18.646.479.559
Đầu tư tài chính	15.103.201.010	2.750.000.000	17.853.201.010
Phải thu khách hàng	9.546.350.631	-	9.546.350.631
Phải thu về cho vay	52.000.000.000	-	52.000.000.000
Phải thu khác	400.993.151	62.900.000	463.893.151
Cộng	95.697.024.351	2.812.900.000	98.509.924.351

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.891.103.008	-	14.891.103.008
Đầu tư tài chính	5.340.890.757	2.750.000.000	8.090.890.757
Phải thu khách hàng	15.250.045.200	-	15.250.045.200
Phải thu về cho vay	57.100.000.000	-	57.100.000.000
Phải thu khác	439.126.028	62.900.000	502.026.028
Cộng	93.021.164.993	2.812.900.000	95.834.064.993

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty CP Đầu tư CMC	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Công ty con
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2024	Năm 2023
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua vật tư	1.333.632.650	111.195.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Quản lý xuất bản	871.751.886	1.344.795.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	62.160.002	-
	Mua xe	-	650.000.000
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Tổ chức bản thảo	-	4.076.755.000
Bán hàng			
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	198.406.960	164.862.500
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Cung ứng sách	1.632.600.240	13.597.113.790
Giao dịch khác			
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Cho vay	2.000.000.000	2.000.000.000
	Thu tiền cho vay	7.100.000.000	4.600.000.000
	Lãi cho vay	4.903.705.477	5.239.701.371
	Cổ tức được chia	1.349.500.000	1.349.500.000
Công ty CP Đầu tư CMC	Cho vay	-	4.000.000.000
	Thu tiền cho vay	-	4.000.000.000
	Lãi cho vay	-	89.219.178
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Cổ tức được chia	216.000.000	240.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Số dư với bên liên quan

	Khoản mục	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	98.406.960	-
Công ty CP Phát hành Sách Giáo Dục	Phải thu khách hàng	828.594.177	9.555.993.937
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Trả trước cho người bán	-	540.782.500
	Phải trả người bán	37.800.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Phải trả người bán	252.726.907	152.390.000
	Người mua trả tiền trước	1.225.468.437	-
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Phải thu về cho vay	52.000.000.000	57.100.000.000
	Phải thu khác (Lãi dự thu về cho vay)	400.993.151	439.126.028

d. Các giao dịch khác

Bên liên quan	Chức danh	Thu nhập, thù lao	Năm 2024	Năm 2023
Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	42.000.000	42.000.000
	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	222.517.754	224.194.650
Ông Ngô Anh Phương	Phó chủ tịch HĐQT	Thù lao	33.600.000	33.600.000
Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên HĐQT	Thù lao	30.000.000	30.000.000
Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên HĐQT	Thù lao	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT	Thù lao	30.000.000	30.000.000
	Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	828.563.860	589.587.752
Bà Bùi Thị Thu Lan	Ủy viên HĐQT	Thù lao	20.500.000	-
Ông Tô Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	Thù lao	9.500.000	30.000.000
Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	Thù lao	30.000.000	30.000.000
Bà Đặng Thị Như	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	-	146.000.000
Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	Thù lao	18.000.000	18.000.000
Ông Trần Văn Quế	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	12.000.000	8.000.000
Bà Lý Thúy Lan	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	-	3.600.000
Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	536.176.088	418.927.225
	Thư ký	Thù lao	12.000.000	12.000.000

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 05/02/2025, Công ty đã có thông báo chốt danh sách cổ đông vào ngày 14/03/2025 để tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 8%, ngày thanh toán 28/04/2025.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Vũ Nguyễn Lan Phương

TCP
K

